

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 62/2018/HS-PT  
Ngày: 05/7/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.  
Ông Bùi Đăng Huy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 87/2018/HSPT ngày 11 tháng 5 năm 2018, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

**Bị cáo kháng cáo:**

**1. Trần Thị L**, sinh năm 1990; tại thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn G, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đình B và bà Đỗ Thị P; Chồng là Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1986; tại thôn G, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT và trú tại: thôn G, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Vợ là Trần Thị L, sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương (trong vụ án khác). Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/11/2017, Nguyễn Văn Tr mượn xe mô tô Honda Wave RSX, BKS 89K5-4981 của ông Nguyễn Văn T (là bố của Tr) chở vợ là Trần Thị L đi sang tỉnh Bắc Ninh mua thuốc chữa bệnh. Do không mua được thuốc nên hai vợ chồng đã quay về. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi đến thôn Đ, xã H, huyện C thì L bảo Tr dừng xe để đi vệ sinh. L đi vào ruộng khoai cạnh nhà anh Nguyễn Văn B để đi vệ sinh thì thấy cửa chính nhà anh B khóa, cửa phụ khép hờ nên đã nảy sinh ý định vào trong nhà trộm cắp tài sản. L đẩy cửa đi vào trong nhà, nhìn thấy chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 34B2-111.18 của anh B dựng ở trong nhà nên đã đi ra ngoài bàn với Tr trộm cắp chiếc xe. Tr đồng ý và bảo L đứng ngoài cảnh giới còn Tr đi vào nhà anh B, dùng hai tay giật mạnh làm khuy cửa bật ra, mở cửa vào trong nhà. Do không có chìa khóa xe nên Tr dong chiếc xe mô tô BKS 34B2-111.18 ra ngoài rồi bảo L ngồi lên điều khiển xe để Tr điều khiển xe mô tô BKS 89K5-4981 và dùng chân đẩy xe L đi. Khi Tr và L đi đến thôn C, xã T, huyện C thì gặp anh Phùng Xuân S (là bạn của anh B). Anh S nhận ra xe mô tô BKS 34B2-111.18 của anh B nên đã gọi điện báo cho anh B và cơ quan điều tra Công an huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47 ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 34B2- 111.18 trị giá 26.000.000đ.

Ngày 12/11/2017 và ngày 18/11/2017, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 34B2- 111.18 cho anh B và trả lại chiếc xe mô tô BKS 89K5-4981 cho ông Nguyễn Văn T. Sau khi nhận lại tài sản, anh B và ông T không đề nghị gì, anh B xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Tr và L.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2018, các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Trần Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa: Bị cáo L xuất trình 01 phiếu siêu âm xác định cáo đang mang thai, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con cái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời xử phạt bị cáo L 18 tháng tù, bị cáo Tr 16 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, hành vi của các bị cáo. Bị cáo Tr kháng cáo xin được hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy hành vi của Tr rất táo bạo, là người trực tiếp phá khóa vào nhà lấy xe máy, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy việc cách ly Tr khỏi đời sống xã hội 1 thời gian là cần thiết nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr. Đối với bị cáo L đã thành khẩn khai báo. Bị cáo có 02 con nhỏ và hiện đang mang thai. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, xử phạt bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị L khai nhận: Lợi dụng gia đình anh Nguyễn Văn B không có ai ở nhà nên các bị cáo Tr và L đã có hành vi vào nhà anh Bình lấy trộm chiếc xe mô tô BKS 34B2-111.18 trị giá 26.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình vận chuyển các bị cáo đã bị phát hiện và bị thu giữ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Trần Thị L, Nguyễn Văn Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này khi phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, đều bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này là thiếu sót.

[3] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo L là người phát sinh ý định phạm tội và rủ bị cáo Tr cùng tham gia. Tuy nhiên sau khi tiếp nhận ý chí của L, Tr là người thực hiện rất tích cực, vừa là người phân công cho L đứng ngoài cảnh giới, vừa là người trực tiếp vào trong nhà lấy xe. Do vậy cần đánh giá vai trò của L và Tr như nhau, nên hình phạt của các bị cáo cũng phải ngang nhau. Tòa án cấp sơ thẩm xác định L có vai trò cao hơn so với Tr đồng thời xử phạt L với mức hình phạt cao hơn Tr là chưa đánh giá

đúng vai trò của các bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ giảm một phần hình phạt cho bị cáo L.

[4] Xem xét về hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thì thấy, vợ chồng bị cáo L, Tr có 2 con nhỏ (Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013), đang rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bố mẹ, nên nếu buộc cả 2 bị cáo cùng chấp hành hình phạt tù thì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. Mặt khác bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu xác định bị cáo đang mang thai. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời đảm bảo được sự khoan hồng của Nhà nước.

[5] Đối với bị cáo Tr mặc dù được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên trong quá trình chờ xét xử phúc thẩm bị cáo lại tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương. Điều này thể hiện sự thiếu ý thức chấp hành pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, có như vậy mới đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật. Từ phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Bị cáo L kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Tr phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.*

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Tr.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với Nguyễn Thị L như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33; Khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L 16 (Mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng, thời hạn được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Giao bị cáo Trần Thị L cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự*).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 16 (Mười sáu) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu án 200.000 đồng phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**